

DANH SÁCH HỌC SINH ĐẠT GIẢI CẤP QUẬN, CẤP TRƯỜNG VÀ HỌC SINH KHỐI 9 KẾT NẠP ĐOÀN  
NĂM HỌC 2024 - 2025

- HỌC SINH CÓ MẶT TẠI TRƯỜNG LÚC 7h00 NGÀY 19/5/2025  
- HỌC SINH MẶC ĐỒNG PHỤC CHÍNH KHÓA, DÁN SỐ ĐEO KHEN THƯỞNG VÀ NGỒI ĐÚNG SƠ ĐỒ CHỖ NGỒI

| STT | Họ và tên              | Lớp | Cuộc thi                                         | Giải         | Cấp  | Số đeo | Đợt | Ghi chú |
|-----|------------------------|-----|--------------------------------------------------|--------------|------|--------|-----|---------|
| 1   | Nguyễn Huỳnh Minh Đăng | 9A1 | Kỳ thi Học sinh giỏi lớp 9 môn Tin học           | Nhì          | Quận | 001    | 1   |         |
| 2   | Lương Thùy Trang       | 9A3 | Kỳ thi Học sinh giỏi lớp 9 Môn Khoa học tự nhiên | Ba           | Quận | 002    | 1   |         |
| 3   | Nguyễn Ngọc Hân        | 9A5 | Kỳ thi Học sinh giỏi lớp 9 Môn Khoa học tự nhiên | Ba           | Quận | 003    | 1   |         |
| 4   | Nguyễn Đăng Quang      | 9A5 | Kỳ thi Học sinh giỏi lớp 9 môn Tiếng Anh         | Ba           | Quận | 004    | 1   |         |
| 5   | Đỗ Ngọc Anh Khôi       | 9A3 | Kỳ thi Học sinh giỏi lớp 9 môn Tiếng Anh         | Ba           | Quận | 005    | 1   |         |
| 6   | Đào Huỳnh Tuệ Lam      | 9A1 | Kỳ thi Học sinh giỏi lớp 9 môn Tiếng Anh         | Ba           | Quận | 006    | 1   |         |
| 7   | Lương Nguyễn Hà Vy     | 9A1 | Kỳ thi Học sinh giỏi lớp 9 môn Tiếng Anh         | Ba           | Quận | 007    | 1   |         |
| 8   | Đinh Hoàng Thiên Phúc  | 9A4 | Kỳ thi Học sinh giỏi lớp 9 môn Toán              | Ba           | Quận | 008    | 1   |         |
| 9   | Nguyễn Đức Khải        | 9A5 | Kỳ thi Học sinh giỏi lớp 9 môn Toán              | Ba           | Quận | 009    | 1   |         |
| 10  | Đặng Ngọc Châu Nhi     | 8A6 | Lớn lên cùng sách                                | Nhất         | Quận | 010    | 1   |         |
| 11  | Hồ Minh Tú             | 7A5 | Lớn lên cùng sách                                | Công nhận    | Quận | 011    | 1   |         |
| 12  | Huỳnh Minh Triết       | 9A6 | Lớn lên cùng sách                                | Công nhận    | Quận | 012    | 1   |         |
| 13  | Lê Nguyễn Nhã Trân     | 7A2 | Văn hay chữ tốt                                  | Ba           | Quận | 013    | 1   |         |
| 14  | Thái Lê Phương Quỳnh   | 7A6 | Văn hay chữ tốt                                  | Khuyến khích | Quận | 014    | 1   |         |
| 15  | Nguyễn Đức Khải        | 9A5 | Giải thể thao HS môn Cờ tướng                    | Nhất         | Quận | 015    | 2   |         |

| STT | Họ và tên               | Lớp  | Cuộc thi                      | Giải | Cấp  | Số đeo | Đợt | Ghi chú |
|-----|-------------------------|------|-------------------------------|------|------|--------|-----|---------|
| 16  | Trần Đoàn Bảo Nam       | 9A2  | Giải thể thao HS môn Cờ tướng | Nhất | Quận | 016    | 2   |         |
| 17  | Phan Phước Quang Minh   | 8A2  | Giải thể thao HS môn Cờ tướng | Nhất | Quận | 017    | 2   |         |
| 18  | Trần Kim Châu           | 7A2  | Giải thể thao HS môn Cờ tướng | Nhất | Quận | 018    | 2   |         |
| 19  | Nguyễn Quang Thắng      | 7A3  | Giải thể thao HS môn Bơi lội  | Nhất | Quận | 019    | 2   |         |
| 20  | Lê Phi Thắng            | 7A2  | Giải thể thao HS môn Bơi lội  | Nhất | Quận | 020    | 2   |         |
| 21  | Phạm Đình Gia Bảo       | 7A11 | Giải thể thao HS môn Bơi lội  | Nhất | Quận | 021    | 2   |         |
| 22  | Võ Đặng Hoàng Linh      | 6A3  | Giải thể thao HS môn Bơi lội  | Nhất | Quận | 022    | 2   |         |
| 23  | Châu Khả Kỳ             | 9A7  | Giải thể thao HS môn Cầu lông | Nhất | Quận | 023    | 2   |         |
| 24  | Phan Vinh Thống         | 9A7  | Giải thể thao HS môn Cầu lông | Nhất | Quận | 024    | 2   |         |
| 25  | Bùi Thiện Xuân Ngân     | 7A2  | Giải thể thao HS môn Cầu lông | Nhất | Quận | 025    | 2   |         |
| 26  | Nguyễn Phạm Vũ Huy      | 7A3  | Giải thể thao HS môn Cầu lông | Nhất | Quận | 026    | 2   |         |
| 27  | Đặng Lê Minh            | 7A1  | Giải thể thao HS môn Bơi lội  | Nhì  | Quận | 027    | 2   |         |
| 28  | Hà Huy Hoàng            | 6A10 | Giải thể thao HS môn Bơi lội  | Nhì  | Quận | 028    | 2   |         |
| 29  | Nguyễn Hà Minh Anh      | 8A5  | Giải thể thao HS môn Bơi lội  | Nhì  | Quận | 029    | 2   |         |
| 30  | Nguyễn Bảo Khánh An     | 6A3  | Giải thể thao HS môn Bơi lội  | Nhì  | Quận | 030    | 3   |         |
| 31  | Nguyễn Ngọc Minh Thư    | 8A9  | Giải thể thao HS môn Vovinam  | Nhì  | Quận | 031    | 3   |         |
| 32  | Vũ Quang Sơn Quân       | 9A2  | Giải thể thao HS môn Cờ vua   | Ba   | Quận | 032    | 3   |         |
| 33  | Lê Đỗ Quang Huy         | 8A2  | Giải thể thao HS môn Cờ vua   | Ba   | Quận | 033    | 3   |         |
| 34  | Nguyễn Văn Trung Kiên   | 8A5  | Giải thể thao HS môn Cờ vua   | Ba   | Quận | 034    | 3   |         |
| 35  | Trịnh Gia Gia           | 7A8  | Giải thể thao HS môn Bóng đá  | Ba   | Quận | 035    | 3   |         |
| 36  | Nguyễn Tấn Huy Hoàng    | 7A9  | Giải thể thao HS môn Bóng đá  | Ba   | Quận | 036    | 3   |         |
| 37  | Nguyễn Ngọc Nguyên Khôi | 7A3  | Giải thể thao HS môn Bóng đá  | Ba   | Quận | 037    | 3   |         |

| STT | Họ và tên               | Lớp  | Cuộc thi                     | Giải         | Cấp    | Số đeo | Đợt | Ghi chú |
|-----|-------------------------|------|------------------------------|--------------|--------|--------|-----|---------|
| 38  | Trương Dũng Kiệt        | 7A9  | Giải thể thao HS môn Bóng đá | Ba           | Quận   | 038    | 3   |         |
| 39  | Nguyễn Hoàng Long       | 7A5  | Giải thể thao HS môn Bóng đá | Ba           | Quận   | 039    | 3   |         |
| 40  | Bùi Duy Đăng Minh       | 7A2  | Giải thể thao HS môn Bóng đá | Ba           | Quận   | 040    | 3   |         |
| 41  | Huỳnh Thiện Nhân        | 7A7  | Giải thể thao HS môn Bóng đá | Ba           | Quận   | 041    | 3   |         |
| 42  | Lê Minh Nhật            | 7A10 | Giải thể thao HS môn Bóng đá | Ba           | Quận   | 042    | 3   |         |
| 43  | Trần Duy Phong          | 7A5  | Giải thể thao HS môn Bóng đá | Ba           | Quận   | 043    | 3   |         |
| 44  | Nguyễn Hữu Thiện        | 7A8  | Giải thể thao HS môn Bóng đá | Ba           | Quận   | 044    | 3   |         |
| 45  | Nguyễn Minh Toàn        | 7A3  | Giải thể thao HS môn Bóng đá | Ba           | Quận   | 045    | 4   |         |
| 46  | Đặng Minh Tuấn          | 7A5  | Giải thể thao HS môn Bóng đá | Ba           | Quận   | 046    | 4   |         |
| 47  | Trần Nguyên Yến Nhi     | 8A2  | Nét vẽ xanh                  | Ba           | Quận   | 047    | 4   |         |
| 48  | Đinh Khánh Vy           | 9A5  | Nét vẽ xanh                  | Ba           | Quận   | 048    | 4   |         |
| 49  | Ngô Ngọc Uyển Nhi       | 9A5  | Nét vẽ xanh                  | Ba           | Quận   | 049    | 4   |         |
| 50  | Võ Vương Nguyễn         | 9A5  | Nét vẽ xanh                  | Ba           | Quận   | 050    | 4   |         |
| 51  | Nguyễn Trọng Quỳnh Lam  | 8A5  | Nét vẽ xanh                  | Ba           | Quận   | 051    | 4   |         |
| 52  | Lê Ngọc Như Tâm         | 6A10 | Nét vẽ xanh                  | Khuyến Khích | Quận   | 052    | 4   |         |
| 53  | Phạm Nguyễn Giáng Tuyết | 6A10 | Nét vẽ xanh                  | Khuyến Khích | Quận   | 053    | 4   |         |
| 54  | Cao Thiên Trúc          | 6A10 | Nét vẽ xanh                  | Khuyến Khích | Quận   | 054    | 4   |         |
| 55  | Lại Huỳnh Trâm Anh      | 7A12 | Nét vẽ xanh                  | Khuyến Khích | Quận   | 055    | 4   |         |
| 56  | Lý Nguyễn Lan Phương    | 7A12 | Nét vẽ xanh                  | Khuyến Khích | Quận   | 056    | 4   |         |
| 57  | Tri Vũ Nhật Anh         | 7A12 | Nét vẽ xanh                  | Khuyến Khích | Quận   | 057    | 4   |         |
| 58  | Nguyễn Huỳnh Tâm An     | 9A7  | Nét vẽ xanh                  | Khuyến Khích | Quận   | 058    | 4   |         |
| 59  | Đại diện lớp            | 6A1  | Bộ gõ cơ thể - Khối 6        | Nhất         | Trường | 059    | 5   |         |

| STT | Họ và tên              | Lớp  | Cuộc thi                                | Giải      | Cấp    | Số đeo | Đợt | Ghi chú |
|-----|------------------------|------|-----------------------------------------|-----------|--------|--------|-----|---------|
| 60  | Đại diện lớp           | 6A9  | Bộ gõ cơ thể - Khối 6                   | Nhì       | Trường | 060    | 5   |         |
| 61  | Đại diện lớp           | 7A3  | Bộ gõ cơ thể - Khối 7                   | Nhất      | Trường | 061    | 5   |         |
| 62  | Đại diện lớp           | 7A1  | Bộ gõ cơ thể - Khối 7                   | Nhì       | Trường | 062    | 5   |         |
| 63  | Đại diện lớp           | 8A7  | Bộ gõ cơ thể - Khối 8                   | Nhất      | Trường | 063    | 5   |         |
| 64  | Đại diện lớp           | 8A12 | Bộ gõ cơ thể - Khối 8                   | Nhì       | Trường | 064    | 5   |         |
| 65  | Đại diện lớp           | 9A8  | Bộ gõ cơ thể - Khối 9                   | Nhất      | Trường | 065    | 5   |         |
| 66  | Đại diện lớp           | 9A2  | Bộ gõ cơ thể - Khối 9                   | Nhì       | Trường | 066    | 5   |         |
| 67  | Võ Hoàng Phương Nghi   | 9A8  | An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai | Giải Nhất | Trường | 067    | 5   |         |
| 68  | Vũ Ngọc Mai Anh        | 9A4  | An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai | Giải Nhì  | Trường | 068    | 5   |         |
| 69  | Huỳnh Khánh Linh       | 9A8  | An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai | Giải Ba   | Trường | 069    | 5   |         |
| 70  | Đặng Mẫn Nhi           | 8A5  | An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai | Giải Nhì  | Trường | 070    | 5   |         |
| 71  | Đỗ Lê Quỳnh Trân       | 8A7  | An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai | Giải Ba   | Trường | 071    | 5   |         |
| 72  | Trần Khánh Ngọc        | 8A4  | An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai | Giải Ba   | Trường | 072    | 5   |         |
| 73  | Trần Nguyên Hương Thảo | 7A2  | An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai | Giải Nhì  | Trường | 073    | 5   |         |
| 74  | Huỳnh Minh Khánh       | 7A10 | An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai | Giải Nhì  | Trường | 074    | 5   |         |
| 75  | Hoàng Trần Ánh Kim     | 7A10 | An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai | Giải Ba   | Trường | 075    | 5   |         |
| 76  | Trần Hưng Quốc         | 6A8  | An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai | Giải Ba   | Trường | 076    | 5   |         |
| 77  | Nguyễn Bảo Khánh An    | 6A3  | An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai | Giải Ba   | Trường | 077    | 5   |         |
| 78  | Phan Trúc Dung Đình    | 6A8  | An toàn giao thông cho nụ cười ngày mai | Giải Ba   | Trường | 078    | 5   |         |
| 79  | Nguyễn Thiên Phúc      | 6A5  | Lớn lên cùng sách                       | Nhất      | Trường | 079    | 6   |         |
| 80  | Phan Trúc Dung Đình    | 6A8  | Lớn lên cùng sách                       | Nhì       | Trường | 080    | 6   |         |
| 81  | Nguyễn Ngọc Minh Ánh   | 6A3  | Lớn lên cùng sách                       | Ba        | Trường | 081    | 6   |         |

| STT | Họ và tên               | Lớp  | Cuộc thi                             | Giải         | Cấp    | Số đeo | Đợt | Ghi chú |
|-----|-------------------------|------|--------------------------------------|--------------|--------|--------|-----|---------|
| 82  | Hồ Minh Tú              | 7A5  | Lớn lên cùng sách                    | Nhất         | Trường | 082    | 6   |         |
| 83  | Lê Bình Yên Khánh       | 7A4  | Lớn lên cùng sách                    | Nhì          | Trường | 083    | 6   |         |
| 84  | Ngô Lộc Nguyên          | 7A8  | Lớn lên cùng sách                    | Ba           | Trường | 084    | 6   |         |
| 85  | Đặng Ngọc Châu Nhi      | 8A6  | Lớn lên cùng sách                    | Nhất         | Trường | 085    | 6   |         |
| 86  | Đỗ Lê Quỳnh Trâm        | 8A7  | Lớn lên cùng sách                    | Nhì          | Trường | 086    | 6   |         |
| 87  | Trần Huệ Bình           | 8A12 | Lớn lên cùng sách                    | Ba           | Trường | 087    | 6   |         |
| 88  | Huỳnh Minh Triết        | 9A6  | Lớn lên cùng sách                    | Nhất         | Trường | 088    | 6   |         |
| 89  | Vũ Ngọc Mai Anh         | 9A4  | Lớn lên cùng sách                    | Nhì          | Trường | 089    | 6   |         |
| 90  | Võ Hoàng Phương Nghi    | 9A8  | Lớn lên cùng sách                    | Ba           | Trường | 090    | 6   |         |
| 91  | Nguyễn Hoàng Thảo Quyên | 9A2  | Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học | Nhì          | Trường | 091    | 6   |         |
| 92  | Huỳnh Vũ Quỳnh Lâm      | 9A2  | Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học | Ba           | Trường | 092    | 6   |         |
| 93  | Trần Hữu Minh Trang     | 9A2  | Sáng kiến bảo đảm trật tự trường học | Khuyến khích | Trường | 093    | 6   |         |
| 94  | Lê Ngọc Như Tâm         | 6A10 | Nét vẽ xanh                          | HC Vàng      | Trường | 094    | 7   |         |
| 95  | Phạm Nguyễn Giáng Tuyết | 6A10 | Nét vẽ xanh                          | HC Vàng      | Trường | 095    | 7   |         |
| 96  | Cao Thiên Trúc          | 6A10 | Nét vẽ xanh                          | HC Vàng      | Trường | 096    | 7   |         |
| 97  | Phạm Bảo Ngọc           | 7A1  | Nét vẽ xanh                          | HC Vàng      | Trường | 097    | 7   |         |
| 98  | Nguyễn Ngọc Hoàng Mai   | 6A1  | Nét vẽ xanh                          | HC Vàng      | Trường | 098    | 7   |         |
| 99  | Trần Phạm Băng Châu     | 7A1  | Nét vẽ xanh                          | HC Vàng      | Trường | 099    | 7   |         |
| 100 | Phan Hoàn Bảo Ngọc      | 7A2  | Nét vẽ xanh                          | HC Vàng      | Trường | 100    | 7   |         |
| 101 | Ngô Vượng Thanh         | 7A1  | Nét vẽ xanh                          | HC Vàng      | Trường | 101    | 7   |         |
| 102 | Trần Nguyên Yến Nhi     | 8A2  | Nét vẽ xanh                          | HC Vàng      | Trường | 102    | 7   |         |
| 103 | Lê Kiều Thanh Nghị      | 8A4  | Nét vẽ xanh                          | HC Vàng      | Trường | 103    | 7   |         |

| STT | Họ và tên             | Lớp  | Cuộc thi    | Giải    | Cấp    | Số đeo | Đợt | Ghi chú |
|-----|-----------------------|------|-------------|---------|--------|--------|-----|---------|
| 104 | Nguyễn Cao Ngọc Thảo  | 9A7  | Nét vẽ xanh | HC Vàng | Trường | 104    | 7   |         |
| 105 | Nguyễn Thị Ngọc Tiên  | 9A7  | Nét vẽ xanh | HC Vàng | Trường | 105    | 7   |         |
| 106 | Nguyễn Huỳnh Tâm An   | 9A7  | Nét vẽ xanh | HC Vàng | Trường | 106    | 7   |         |
| 107 | Trần Nguyễn Quỳnh Như | 9A7  | Nét vẽ xanh | HC Vàng | Trường | 107    | 7   |         |
| 108 | Nguyễn Thị Phụng Nhi  | 6A1  | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 108    | 8   |         |
| 109 | Võ Hà Tâm Nhiên       | 6A2  | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 109    | 8   |         |
| 110 | Nguyễn Duy Khang      | 6A3  | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 110    | 8   |         |
| 111 | Ngô Xuân Lộc          | 6A3  | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 111    | 8   |         |
| 112 | Nguyễn Phạm Gia Huy   | 6A3  | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 112    | 8   |         |
| 113 | Phan Trúc Dung Dinh.  | 6A8  | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 113    | 8   |         |
| 114 | Nguyễn Ngọc Xuân Anh  | 7A11 | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 114    | 8   |         |
| 115 | Lại Huỳnh Trâm Anh    | 7A12 | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 115    | 8   |         |
| 116 | Lý Nguyễn Lan Phương  | 7A12 | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 116    | 8   |         |
| 117 | Tri Vũ Nhật Anh       | 7A12 | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 117    | 8   |         |
| 118 | Trần Ngô Mai Phương   | 7A2  | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 118    | 8   |         |
| 119 | Trần Minh Tú          | 7A4  | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 119    | 8   |         |
| 120 | Trần Vũ Phương Ngọc   | 8A12 | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 120    | 8   |         |
| 121 | Nguyễn Thi Chu Gia    | 8A2  | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 121    | 8   |         |
| 122 | Nguyễn Huyền Trang    | 8A7  | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 122    | 8   |         |
| 123 | Bùi Thiên Ngọc        | 8A7  | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 123    | 8   |         |
| 124 | Lê Nữ Yên Nhiên       | 8A7  | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 124    | 8   |         |
| 125 | Lưu Ngọc Mẫn Nhi      | 8A7  | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 125    | 8   |         |

| STT | Họ và tên               | Lớp  | Cuộc thi    | Giải    | Cấp    | Số đeo | Đợt | Ghi chú |
|-----|-------------------------|------|-------------|---------|--------|--------|-----|---------|
| 126 | Võ Gia Thư              | 9A1  | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 126    | 8   |         |
| 127 | Dương Uyên Trang        | 9A3  | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 127    | 8   |         |
| 128 | Lương Thùy Trang        | 9A3  | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 128    | 8   |         |
| 129 | Trần Nguyễn Hương Giang | 9A3  | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 129    | 8   |         |
| 130 | Lê Phương Nhi           | 9A3  | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 130    | 8   |         |
| 131 | Bùi Ý Vy                | 9A8  | Nét vẽ xanh | HC Bạc  | Trường | 131    | 8   |         |
| 132 | Hoàng Uyên              | 6A4  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 132    | 9   |         |
| 133 | Bùi Thị Kim Dung        | 6A5  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 133    | 9   |         |
| 134 | Bùi Tuyết Nhi           | 6A7  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 134    | 9   |         |
| 135 | Dương Võ Gia Hân.       | 6A7  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 135    | 9   |         |
| 136 | Dương Linh Anh Thư.     | 6A8  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 136    | 9   |         |
| 137 | Nguyễn Lâm Khánh Ngọc   | 6A9  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 137    | 9   |         |
| 138 | Dương Vũ Huy Kha        | 7A10 | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 138    | 9   |         |
| 139 | Hoàng Nguyễn Mỹ Anh     | 7A10 | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 139    | 9   |         |
| 140 | Ngô Nguyễn Minh Tú      | 7A12 | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 140    | 9   |         |
| 141 | Nguyễn Ngọc Nghi        | 7A12 | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 141    | 9   |         |
| 142 | Trần Nguyễn Hương Nhi   | 7A12 | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 142    | 9   |         |
| 143 | Phạm Hoàng Khánh Ngân   | 7A2  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 143    | 9   |         |
| 144 | Ngô Thùy Dương          | 7A2  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 144    | 9   |         |
| 145 | Ngô Thùy Vân            | 7A2  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 145    | 9   |         |
| 146 | Nguyễn Ngọc Quỳnh Nhi   | 7A3  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 146    | 9   |         |
| 147 | Lê Trần Thảo Nguyên     | 7A4  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 147    | 9   |         |

| STT | Họ và tên               | Lớp  | Cuộc thi    | Giải    | Cấp    | Số đeo | Đợt | Ghi chú |
|-----|-------------------------|------|-------------|---------|--------|--------|-----|---------|
| 148 | Phạm Ngô Kim Nguyên     | 8A1  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 148    | 9   |         |
| 149 | Hoàng Phương Anh        | 8A1  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 149    | 9   |         |
| 150 | Nguyễn Huỳnh Khánh Ngọc | 8A10 | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 150    | 9   |         |
| 151 | Nguyễn Ngọc Thanh Trúc  | 8A10 | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 151    | 9   |         |
| 152 | Đinh Trương Bảo Ngọc    | 8A10 | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 152    | 10  |         |
| 153 | Trương Ngọc Bảo Nhi     | 8A2  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 153    | 10  |         |
| 154 | Nguyễn Văn Trung Kiên   | 8A5  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 154    | 10  |         |
| 155 | Đỗ Lê Quỳnh Trâm        | 8A7  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 155    | 10  |         |
| 156 | Đoàn Hồng Hân           | 8A7  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 156    | 10  |         |
| 157 | Vương Hoàng Hoài An     | 8A7  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 157    | 10  |         |
| 158 | Nguyễn Ngọc Linh Đan    | 9A2  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 158    | 10  |         |
| 159 | Đặng Ngọc Bảo Thy       | 9A2  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 159    | 10  |         |
| 160 | Nguyễn Ngọc Châu Anh    | 9A2  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 160    | 10  |         |
| 161 | Vũ Huỳnh Ngân Khánh     | 9A2  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 161    | 10  |         |
| 162 | Trần Thụy Quỳnh An      | 9A2  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 162    | 10  |         |
| 163 | Trần Ngọc Thiên An      | 9A2  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 163    | 10  |         |
| 164 | Đặng Thụy Uyên My       | 9A3  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 164    | 10  |         |
| 165 | Nguyễn Vũ Trà My        | 9A3  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 165    | 10  |         |
| 166 | Nguyễn Minh Danh        | 9A4  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 166    | 10  |         |
| 167 | Nguyễn Mai Thảo Nghi    | 9A5  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 167    | 10  |         |
| 168 | Ngô Ngọc Uyển Nhi       | 9A5  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 168    | 10  |         |
| 169 | Đinh Khánh Vy           | 9A5  | Nét vẽ xanh | HC Đồng | Trường | 169    | 10  |         |



| STT | Họ và tên               | Lớp | Cuộc thi           | Giải    | Cấp    | Số đeo | Đợt | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-----|--------------------|---------|--------|--------|-----|---------|
| 170 | Võ Vương Nguyễn         | 9A5 | Nét vẽ xanh        | HC Đồng | Trường | 170    | 10  |         |
| 171 | Nguyễn Quang Huy        | 6A5 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 171    | 11  |         |
| 172 | Nguyễn Thiên Vũ         | 6A5 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 172    | 11  |         |
| 173 | Nguyễn Nhất Khang       | 6A5 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 173    | 11  |         |
| 174 | Huỳnh Phan Minh Quân    | 6A5 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 174    | 11  |         |
| 175 | Nguyễn Anh Khôi         | 6A5 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 175    | 11  |         |
| 176 | Dương Gia Kiên          | 6A5 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 176    | 11  |         |
| 177 | Lê Nguyễn Duy Khang     | 6A5 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 177    | 11  |         |
| 178 | Nguyễn Minh Tiến Dũng   | 6A5 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 178    | 11  |         |
| 179 | Lê Vũ An Khang          | 6A5 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 179    | 11  |         |
| 180 | Huỳnh Thái Ân           | 6A5 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 180    | 11  |         |
| 181 | Nguyễn Minh Toàn        | 7A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 181    | 11  |         |
| 182 | Nguyễn Ngọc Nguyên Khôi | 7A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 182    | 11  |         |
| 183 | Nguyễn Phạm Vũ Huy      | 7A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 183    | 11  |         |
| 184 | Trần Anh Tâm            | 7A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 184    | 11  |         |
| 185 | Nguyễn Bảo Phong        | 7A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 185    | 11  |         |
| 186 | Châu Thiên Phú          | 7A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 186    | 11  |         |
| 187 | Nguyễn Thành Thiện      | 7A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 187    | 11  |         |
| 188 | Huỳnh Việt Bách         | 7A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 188    | 11  |         |
| 189 | Nguyễn Văn Khôi Nguyên  | 7A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 189    | 11  |         |
| 190 | Nguyễn Quang Thắng      | 7A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 190    | 11  |         |
| 191 | Trần Anh Khoa           | 8A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 191    | 12  |         |

| STT | Họ và tên             | Lớp | Cuộc thi           | Giải    | Cấp    | Số đeo | Đợt | Ghi chú |
|-----|-----------------------|-----|--------------------|---------|--------|--------|-----|---------|
| 192 | Nguyễn Hà Minh Hưng   | 8A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 192    | 12  |         |
| 193 | Lê Quang Lâm          | 8A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 193    | 12  |         |
| 194 | Nguyễn Đắc Minh Thiện | 8A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 194    | 12  |         |
| 195 | Lương Hữu Tiến        | 8A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 195    | 12  |         |
| 196 | Trần Quang Vinh       | 8A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 196    | 12  |         |
| 197 | Nguyễn Kỳ Ân          | 8A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 197    | 12  |         |
| 198 | Trần Đức Khải         | 8A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 198    | 12  |         |
| 199 | Lê Công Minh Khôi     | 8A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 199    | 12  |         |
| 200 | Huỳnh Lữ Hữu Phúc     | 8A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 200    | 12  |         |
| 201 | Lê Hoàng Long         | 9A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 201    | 12  |         |
| 202 | Lê Đặng Phú           | 9A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 202    | 12  |         |
| 203 | Nguyễn Gia Phát       | 9A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 203    | 12  |         |
| 204 | Nguyễn Lê Khắc Quyền  | 9A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 204    | 12  |         |
| 205 | Trần Nguyễn Minh Khôi | 9A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 205    | 12  |         |
| 206 | Nguyễn Hoàng Sơn      | 9A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 206    | 12  |         |
| 207 | Phạm Hoàng Phúc       | 9A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 207    | 12  |         |
| 208 | Đặng Thanh Duy Khang  | 9A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 208    | 12  |         |
| 209 | Phạm Quang Vũ         | 9A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 209    | 12  |         |
| 210 | Lữ Hoàng Bách         | 9A3 | Bóng đá cấp trường | HC Vàng | Trường | 210    | 12  |         |
| 211 | Ngô Quang Huy Hoàng   | 6A4 | Bóng đá cấp trường | HC Bạc  | Trường | 211    | 13  |         |
| 212 | Phạm Đăng Thịnh       | 6A4 | Bóng đá cấp trường | HC Bạc  | Trường | 212    | 13  |         |
| 213 | Nguyễn Minh Mẫn       | 6A4 | Bóng đá cấp trường | HC Bạc  | Trường | 213    | 13  |         |

| STT | Họ và tên             | Lớp  | Cuộc thi           | Giải   | Cấp    | Số đeo | Đợt | Ghi chú |
|-----|-----------------------|------|--------------------|--------|--------|--------|-----|---------|
| 214 | Trần Duy Nghĩa        | 6A4  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc | Trường | 214    | 13  |         |
| 215 | Vũ Hoàng Minh         | 6A4  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc | Trường | 215    | 13  |         |
| 216 | Nguyễn Phúc gia Huy   | 6A4  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc | Trường | 216    | 13  |         |
| 217 | Trần Dang Khánh       | 6A4  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc | Trường | 217    | 13  |         |
| 218 | Dương Gia HUy         | 6A4  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc | Trường | 218    | 13  |         |
| 219 | Nguyễn Minh Long      | 6A4  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc | Trường | 219    | 13  |         |
| 220 | Nguyễn Gia Huy        | 6A4  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc | Trường | 220    | 13  |         |
| 221 | Đặng Minh Tuấn        | 7A5  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc | Trường | 221    | 13  |         |
| 222 | Nguyễn Hoàng Long     | 7A5  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc | Trường | 222    | 13  |         |
| 223 | Trần Duy Phong        | 7A5  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc | Trường | 223    | 13  |         |
| 224 | Nguyễn Hoàng Minh     | 7A5  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc | Trường | 224    | 13  |         |
| 225 | Hoàng Ngọc Hiếu       | 7A5  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc | Trường | 225    | 13  |         |
| 226 | Võ Đức Đăng Khôi      | 7A5  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc | Trường | 226    | 13  |         |
| 227 | Ngô Bảo Châu          | 7A5  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc | Trường | 227    | 13  |         |
| 228 | Cao Hoàng Tuấn        | 7A5  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc | Trường | 228    | 13  |         |
| 229 | Trịnh Bạch Hoàng Vỹ   | 7A5  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc | Trường | 229    | 13  |         |
| 230 | Nguyễn Trí            | 7A5  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc | Trường | 230    | 13  |         |
| 231 | Nguyễn Nhật Minh Quân | 8A12 | Bóng đá cấp trường | HC Bạc | Trường | 231    | 14  |         |
| 232 | Vũ Minh Khoa          | 8A12 | Bóng đá cấp trường | HC Bạc | Trường | 232    | 14  |         |
| 233 | Nguyễn Hoàng Huy      | 8A12 | Bóng đá cấp trường | HC Bạc | Trường | 233    | 14  |         |
| 234 | Hoàng Việt            | 8A12 | Bóng đá cấp trường | HC Bạc | Trường | 234    | 14  |         |
| 235 | Vũ Thiên Lộc          | 8A12 | Bóng đá cấp trường | HC Bạc | Trường | 235    | 14  |         |

| STT | Họ và tên              | Lớp  | Cuộc thi           | Giải    | Cấp    | Số đeo | Đợt | Ghi chú |
|-----|------------------------|------|--------------------|---------|--------|--------|-----|---------|
| 236 | Nguyễn Quý Minh Kha    | 8A12 | Bóng đá cấp trường | HC Bạc  | Trường | 236    | 14  |         |
| 237 | Phan Sỹ Khiêm          | 8A12 | Bóng đá cấp trường | HC Bạc  | Trường | 237    | 14  |         |
| 238 | Hoàng Phúc Nguyên      | 8A12 | Bóng đá cấp trường | HC Bạc  | Trường | 238    | 14  |         |
| 239 | Châu Thiện Phong       | 8A12 | Bóng đá cấp trường | HC Bạc  | Trường | 239    | 14  |         |
| 240 | Nguyễn Khang           | 8A12 | Bóng đá cấp trường | HC Bạc  | Trường | 240    | 14  |         |
| 241 | Phạm Gia Vũ            | 9A7  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc  | Trường | 241    | 14  |         |
| 242 | Nguyễn Phúc            | 9A7  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc  | Trường | 242    | 14  |         |
| 243 | Trần Hữu Phước         | 9A7  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc  | Trường | 243    | 14  |         |
| 244 | Nguyễn Minh Khôi       | 9A7  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc  | Trường | 244    | 14  |         |
| 245 | Phan Vinh Thống        | 9A7  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc  | Trường | 245    | 14  |         |
| 246 | Nguyễn Hoàng Minh      | 9A7  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc  | Trường | 246    | 14  |         |
| 247 | Cao Thiên Vũ           | 9A7  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc  | Trường | 247    | 14  |         |
| 248 | Võ Thái Đăng Khôi      | 9A7  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc  | Trường | 248    | 14  |         |
| 249 | Bùi Nguyên Minh        | 9A7  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc  | Trường | 249    | 14  |         |
| 250 | Lê Hoàng Phúc          | 9A7  | Bóng đá cấp trường | HC Bạc  | Trường | 250    | 14  |         |
| 251 | Nguyễn Đình Thế Bảo    | 6A8  | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 251    | 15  |         |
| 252 | Nguyễn Đình Hoàng Phúc | 6A8  | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 252    | 15  |         |
| 253 | Đặng Thanh Thịnh       | 6A8  | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 253    | 15  |         |
| 254 | Lê Phúc Khải           | 6A8  | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 254    | 15  |         |
| 255 | Võ Trần Minh Trí       | 6A8  | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 255    | 15  |         |
| 256 | Trần Gia Khang         | 6A8  | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 256    | 15  |         |
| 257 | Ngô Minh Khang         | 6A8  | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 257    | 15  |         |

| STT | Họ và tên            | Lớp | Cuộc thi           | Giải    | Cấp    | Số đeo | Đợt | Ghi chú |
|-----|----------------------|-----|--------------------|---------|--------|--------|-----|---------|
| 258 | Nguyễn Thành Nam     | 6A8 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 258    | 15  |         |
| 259 | Lương Quốc Anh       | 6A8 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 259    | 15  |         |
| 260 | Ngô Minh Kiên        | 6A8 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 260    | 15  |         |
| 261 | Huỳnh Thiện Nhân     | 7A7 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 261    | 15  |         |
| 262 | Trần Đại An          | 7A7 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 262    | 15  |         |
| 263 | Trần Nguyên Khoa     | 7A7 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 263    | 15  |         |
| 264 | Mai Gia Bảo          | 7A7 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 264    | 15  |         |
| 265 | Nguyễn Anh Tuấn      | 7A7 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 265    | 15  |         |
| 266 | Nguyễn Trần Nam      | 7A7 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 266    | 15  |         |
| 267 | Trịnh Ngọc Quý       | 7A7 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 267    | 15  |         |
| 268 | Lại Ngọc Phúc Khang  | 7A7 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 268    | 15  |         |
| 269 | Nguyễn Gia Huy       | 7A7 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 269    | 15  |         |
| 270 | Nguyễn Hải Nguyên    | 7A7 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 270    | 15  |         |
| 271 | Nguyễn Lê Đình Huân  | 8A7 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 271    | 16  |         |
| 272 | Đỗ Thiên Nam         | 8A7 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 272    | 16  |         |
| 273 | Đồng Minh Đức        | 8A7 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 273    | 16  |         |
| 274 | Lê Nguyễn Trọng Nhân | 8A7 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 274    | 16  |         |
| 275 | Lê Đỗ Minh Huy       | 8A7 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 275    | 16  |         |
| 276 | Hồ Hữu Tín           | 8A7 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 276    | 16  |         |
| 277 | Phạm Minh Thắng      | 8A7 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 277    | 16  |         |
| 278 | Trần Minh Quân       | 8A7 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 278    | 16  |         |
| 279 | Huỳnh Dương Gia Minh | 8A7 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 279    | 16  |         |

| STT | Họ và tên               | Lớp | Cuộc thi           | Giải    | Cấp    | Số đeo | Đợt | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-----|--------------------|---------|--------|--------|-----|---------|
| 280 | Nguyễn Trọng Khang      | 8A7 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 280    | 16  |         |
| 281 | Đỗ Quốc Nguyên          | 9A4 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 281    | 16  |         |
| 282 | Nguyễn Huy Khng         | 9A4 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 282    | 16  |         |
| 283 | Dương Anh Khoa          | 9A4 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 283    | 16  |         |
| 284 | Nguyễn Xuân Minh        | 9A4 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 284    | 16  |         |
| 285 | Hồ Ngọc Minh Khang      | 9A4 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 285    | 16  |         |
| 286 | Nguyễn Trần Minh Khôi   | 9A4 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 286    | 16  |         |
| 287 | Nguyễn Văn Kim Long     | 9A4 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 287    | 16  |         |
| 288 | Nguyễn Thái Hào         | 9A4 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 288    | 16  |         |
| 289 | Phan Thanh Quyển        | 9A4 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 289    | 16  |         |
| 290 | Đoàn Phúc Duyên         | 9A4 | Bóng đá cấp trường | HC Đồng | Trường | 290    | 16  |         |
| 291 | Đào Cẩm Bình            | 9A1 | Kết nạp Đoàn       |         |        | 291    | 17  |         |
| 292 | Phạm Ngọc Diệp          | 9A1 | Kết nạp Đoàn       |         |        | 292    | 17  |         |
| 293 | Vũ Ngọc Gia Hân         | 9A1 | Kết nạp Đoàn       |         |        | 293    | 17  |         |
| 294 | Nguyễn Lưu Dũng Lâm     | 9A1 | Kết nạp Đoàn       |         |        | 294    | 17  |         |
| 295 | Nguyễn Vũ Lâm           | 9A1 | Kết nạp Đoàn       |         |        | 295    | 17  |         |
| 296 | Ngô Khánh Ngọc          | 9A1 | Kết nạp Đoàn       |         |        | 296    | 17  |         |
| 297 | Võ Gia Thư              | 9A1 | Kết nạp Đoàn       |         |        | 297    | 17  |         |
| 298 | Nguyễn Thiên Vân        | 9A1 | Kết nạp Đoàn       |         |        | 298    | 17  |         |
| 299 | Đặng Bảo Anh            | 9A2 | Kết nạp Đoàn       |         |        | 299    | 17  |         |
| 300 | Trương Minh Danh        | 9A2 | Kết nạp Đoàn       |         |        | 300    | 17  |         |
| 301 | Nguyễn Ngọc Quỳnh Giang | 9A2 | Kết nạp Đoàn       |         |        | 301    | 17  |         |

| STT | Họ và tên               | Lớp | Cuộc thi     | Giải | Cấp | Số đeo | Đợt | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-----|--------------|------|-----|--------|-----|---------|
| 302 | Phan Thành Hưng         | 9A2 | Kết nạp Đoàn |      |     | 302    | 17  |         |
| 303 | Vũ Huỳnh Ngân Khánh     | 9A2 | Kết nạp Đoàn |      |     | 303    | 17  |         |
| 304 | Lê Nguyễn Kim Ngân      | 9A2 | Kết nạp Đoàn |      |     | 304    | 17  |         |
| 305 | Vũ Quang Sơn Quân       | 9A2 | Kết nạp Đoàn |      |     | 305    | 17  |         |
| 306 | Đặng Ngọc Bảo Thy       | 9A2 | Kết nạp Đoàn |      |     | 306    | 17  |         |
| 307 | Hoàng Nguyễn Trâm Anh   | 9A3 | Kết nạp Đoàn |      |     | 307    | 17  |         |
| 308 | Lữ Hoàng Bách           | 9A3 | Kết nạp Đoàn |      |     | 308    | 18  |         |
| 309 | Lê Khang Hy             | 9A3 | Kết nạp Đoàn |      |     | 309    | 18  |         |
| 310 | Trần Quốc Khang         | 9A3 | Kết nạp Đoàn |      |     | 310    | 18  |         |
| 311 | Đỗ Ngọc Anh Khôi        | 9A3 | Kết nạp Đoàn |      |     | 311    | 18  |         |
| 312 | Võ Thảo Linh            | 9A3 | Kết nạp Đoàn |      |     | 312    | 18  |         |
| 313 | Nguyễn Lê Khắc Quyền    | 9A3 | Kết nạp Đoàn |      |     | 313    | 18  |         |
| 314 | Nguyễn Khoa Khánh Thư   | 9A3 | Kết nạp Đoàn |      |     | 314    | 18  |         |
| 315 | Nguyễn Lương Quỳnh Trâm | 9A3 | Kết nạp Đoàn |      |     | 315    | 18  |         |
| 316 | Vũ Ngọc Mai Anh         | 9A4 | Kết nạp Đoàn |      |     | 316    | 18  |         |
| 317 | Trương Gia Hân          | 9A4 | Kết nạp Đoàn |      |     | 317    | 18  |         |
| 318 | Lê Thanh Thảo Minh      | 9A4 | Kết nạp Đoàn |      |     | 318    | 18  |         |
| 319 | Nguyễn Thiện Nhân       | 9A4 | Kết nạp Đoàn |      |     | 319    | 18  |         |
| 320 | Phạm Nguyễn Bảo Như     | 9A4 | Kết nạp Đoàn |      |     | 320    | 18  |         |
| 321 | Đinh Hoàng Thiên Phúc   | 9A4 | Kết nạp Đoàn |      |     | 321    | 18  |         |
| 322 | NGUYỄN TRÚC QUỲNH       | 9A4 | Kết nạp Đoàn |      |     | 322    | 18  |         |
| 323 | Nguyễn Ngọc Hân         | 9A5 | Kết nạp Đoàn |      |     | 323    | 18  |         |

| STT | Họ và tên               | Lớp | Cuộc thi     | Giải | Cấp | Số đeo | Đợt | Ghi chú |
|-----|-------------------------|-----|--------------|------|-----|--------|-----|---------|
| 324 | Trần Quang Trung Hiếu   | 9A5 | Kết nạp Đoàn |      |     | 324    | 18  |         |
| 325 | Đặng Gia Khang          | 9A5 | Kết nạp Đoàn |      |     | 325    | 19  |         |
| 326 | Trần Thị Xuân Mai       | 9A5 | Kết nạp Đoàn |      |     | 326    | 19  |         |
| 327 | Võ Vương Nguyễn         | 9A5 | Kết nạp Đoàn |      |     | 327    | 19  |         |
| 328 | Nguyễn Đăng Quang       | 9A5 | Kết nạp Đoàn |      |     | 328    | 19  |         |
| 329 | Nguyễn Lâm Uy           | 9A5 | Kết nạp Đoàn |      |     | 329    | 19  |         |
| 330 | Đinh Khánh Vy           | 9A5 | Kết nạp Đoàn |      |     | 330    | 19  |         |
| 331 | Nguyễn Đỗ Tường Anh     | 9A6 | Kết nạp Đoàn |      |     | 331    | 19  |         |
| 332 | Lê Thảo Nguyên          | 9A6 | Kết nạp Đoàn |      |     | 332    | 19  |         |
| 333 | Phùng Đỗ Mai Phương     | 9A6 | Kết nạp Đoàn |      |     | 333    | 19  |         |
| 334 | Nguyễn Minh Khôi        | 9A7 | Kết nạp Đoàn |      |     | 334    | 19  |         |
| 335 | Châu Khả Kỳ             | 9A7 | Kết nạp Đoàn |      |     | 335    | 19  |         |
| 336 | Bùi Nguyên Minh         | 9A7 | Kết nạp Đoàn |      |     | 336    | 19  |         |
| 337 | Nguyễn Thanh Nhật Quỳnh | 9A7 | Kết nạp Đoàn |      |     | 337    | 19  |         |
| 338 | Vũ Lê Kim Thư           | 9A7 | Kết nạp Đoàn |      |     | 338    | 19  |         |
| 339 | Huỳnh Ngọc Hải Triều    | 9A7 | Kết nạp Đoàn |      |     | 339    | 19  |         |
| 340 | Trần Quỳnh Anh          | 9A8 | Kết nạp Đoàn |      |     | 340    | 19  |         |
| 341 | Bùi Ngọc Uyên Chi       | 9A8 | Kết nạp Đoàn |      |     | 341    | 19  |         |
| 342 | Bùi Ý Vy                | 9A8 | Kết nạp Đoàn |      |     | 342    | 19  |         |